

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59 / 2017 / HS-ST

Ngày: 18 / 12 / 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2017/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Trịnh Thị Hồng L, sinh năm 1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: tổ 04, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trịnh Văn C (chết) và mẹ Lê Thị Ngọc S (chết); Chồng Lê Văn H, có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án: Ngày 27/4/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, đến ngày 27/10/2016 chấp hành xong thời hạn thử thách.

Tiền sự: chưa.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1991, nơi cư trú: tổ 6, khóm H, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Anh Tr, sinh năm 1989, nơi cư trú: tổ 6, khóm H, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang; Có mặt.

2. Anh Lê Văn H, sinh năm 1995, nơi cư trú: tổ 4, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lê Trịnh Thị Hồng L bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Trịnh Thị Hồng L làm thuê tại quán lẩu dê “Ninh Bình” thuộc tổ 06, khóm Hoà Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang của vợ chồng anh Lê Anh Tr và chị Nguyễn Thị Y. Do cần tiền tiêu xài, khoảng 9 giờ ngày 15/6/2017, L lợi dụng lúc chị Y và anh Tr đi công việc, đã tháo mỗi dây chì nối vách phòng ngủ của anh Tr và chị Y, lấy hết số tiền trong ví để trên vách phòng, rồi ra ngoài buộc lại các mỗi dây chì đã tháo giống như hiện trạng ban đầu. Cùng ngày, L xin nghỉ phép, về nhà kiểm tra số tiền trộm được là 18.900.000 đồng (trong đó 37 tờ tiền 500.000 đồng và 4 tờ tiền 100.000 đồng), số tiền trên L tiêu xài hết. Ngày 05/7/2017, L đến cơ quan Công an đầu thú.

Riêng, anh Tr và chị Y cho biết số tiền bị L trộm cắp là 23.000.000 đồng (tất cả tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng). Qua sự việc trên, anh Tr và chị Y yêu cầu xử lý hình sự đối với L và yêu cầu bồi thường số tiền 23.000.000 đồng.

Ngày 12/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Trịnh Thị Hồng L.

Tại bản Cáo trạng số 57/VKS-HS ngày 21 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố bị cáo Lê Trịnh Thị Hồng L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên cáo trạng của Viện kiểm sát.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo L có một tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích (tài sản chiếm đoạt 10.115.000 đồng), lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 18.900.000 đồng của chị Y nên thuộc trường hợp tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để giáo dục bị cáo và nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Song song đó, khi lượng hình đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau để giảm 01 phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đó là:

- Quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn về hành vi đã thực hiện (điểm p Khoản 1 Điều 46)

- Bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú; có hoàn cảnh khó khăn (lao động nghèo, cha mẹ mất sớm) và đang có thai (khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự)

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trịnh Thị Hồng L từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Biện pháp tư pháp:

+ Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại thỏa thuận được số tiền bồi thường, nên công nhận thỏa thuận giữa bị cáo Lê Trịnh Thị Hồng L và bị hại (áp dụng Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự 2015).

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] *Về tố tụng:* Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] *Về nội dung:*

Tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận: Do cần tiền tiêu xài, khoảng 9 giờ ngày 15/6/2017 tại quán lẩu dê “*Ninh Bình*” thuộc tổ 06, khóm Hoà Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, bị cáo L đã lén lút lấy trộm 18.900.000 đồng (trong đó 37 tờ tiền 500.000 đồng và 4 tờ tiền 100.000 đồng) của chị Nguyễn Thị Y, số tiền trên L tiêu xài hết. Ngày 05/7/2017, L đến cơ quan Công an đầu thú.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định bị cáo L có hành vi lén lút trộm 18.900.000 đồng của Y. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác nên đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố L về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ.

Quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị pháp luật chế tài bằng hình phạt.

Bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần có mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản được Tòa án cho hưởng án treo, mặc dù đã chấp hành xong thời hạn thử thách, nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó đây thuộc trường hợp tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện đầu thú theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung, xét bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, quá trình điều tra, bị hại cho rằng bị cáo trộm 23.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường 23.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng chị Y, anh Tr chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng vào tháng 5/2018. Bị cáo chấp nhận yêu cầu của chị Y, anh Tr, nên công nhận sự thỏa thuận của chị Y, anh Tr và bị cáo L.

Đối với Lê Văn H, là người sống chung như vợ chồng với L, khi biết H trộm tiền của người khác, H không sử dụng tiền của bị cáo và đã khuyên L ra đầu thú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H là có căn cứ.

[3] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Trịnh Thị Hồng L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Lê Trịnh Thị Hồng L: 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt chấp hành án.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Y, anh Lê Anh Tr và Lê Trịnh Thị Hồng L. Lê Trịnh Thị Hồng L có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Y, anh Lê Anh Tr số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngày 01/5/2018.

Áp dụng Điều 98, Điều 99, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Trịnh Thị Hồng L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, chị Y, anh Tr, anh H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc